TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2026/HNGĐ-ST
Ngày 31-7-2026
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Hồng Cẩm.

Bà Huỳnh Trúc Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Diễm Quỳnh là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 275/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2843/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Kim Thị Hồng N, sinh ngày 20 tháng 5 năm 2006 (xin vắng mặt).

Số Căn cước: 084306003025.

Địa chỉ thường trú: Ấp N, xã B, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Ấp Đ, khu phố D, đặc khu P, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: Ông Trần Hoàng P, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2000 (vắng mặt).

Số CCCD: 096200011850.

Địa chỉ thường trú: Khóm G, phường H, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Hẻm B, Khóm G, phường A, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 5 năm 2025 nguyên đơn bà Kim Thị Hồng N trình bày: Bà và ông Trần Hoàng P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Cà Mau vào

năm 2025. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mẫu thuẫn do bất đồng quan điểm, khác biệt trong suy nghĩ, cách ứng xử và cách xây dựng gia đình; hai bên không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vả làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình cảm vợ chồng cũng như cuộc sống gia đình. Cả hai nhiều lần cố gắng hàn gắn, hoà giải để tiếp tục chung sống nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được; vợ chồng đã ly thân từ tháng 02 năm 2026 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân đã không còn hạnh phúc, vợ chồng không thể chung sống được nữa nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Hoàng P. Trong quá trình chung sống bà và ông P có một người con chung tên Trần Hoàng P1, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2026, con chung hiện đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng, sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu ông Trần Hoàng P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Về tài sản chung vợ chồng tự thoả thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Đối với ông Trần Hoàng P là bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông P vắng mặt và không cung cấp văn bả trình bày ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Kim Thị Hồng N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Hoàng P, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "*Ly hôn"* nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau. Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Kim Thị Hồng N là nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Kim Thị Hồng N. Ông Trần Hoàng P là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trần Hoàng P.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị Hồng N và ông Trần Hoàng P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 59/2025 ngày 10 tháng 07 năm 2025. Do đó, hôn nhân của bà Kim Thị Hồng N với ông Trần Hoàng P là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà N yêu cầu giải quyết cho ly hôn với ông Trần Hoàng P. Tòa án đã văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ ông Trần Hoàng P nhiều lần để tham gia xét xử và hoà giải nhưng ông P vắng mặt không tham gia hoà giải hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Kim Thị Hồng N. Bà Kim Thị Hồng N cho rằng trong quá

trình chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong lối sống dẫn đến mâu thuẫn, cự cãi thường xuyên và vợ chồng không còn chung sống từ tháng 02 năm 2026 đến nay. Điều này cho thấy vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên tình trạng hôn nhân giữa bà Kim Thị Hồng N với ông Trần Hoàng P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Kim Thị Hồng N về việc yêu cầu ly hôn với ông Trần Hoàng P.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà Kim Thị Hồng N với ông Trần Hoàng P có một người con chung tên Trần Hoàng P1, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2026, con chung do bà N đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Tòa án có tống đạt thông báo thụ lý cho ông Trần Hoàng P nhưng ông P không có ý kiến gì về yêu cầu của trực tiếp nuôi con chung của bà N. Xét thấy, từ khi bà N và ông P không còn chung sống đến nay con chung do bà N trực tiếp nuôi dưỡng; người con chung tên Trần Hoàng P1, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2026 đến ngày xét xử sơ thẩm chưa đủ 36 tháng tuổi nên giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Ông Trần Hoàng P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Kim Thị Hồng N yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Tòa án có tống đạt thông báo thụ lý cho ông Trần Hoàng P nhưng ông P không có ý kiến đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà N. Tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con"*. Áp dụng điều luật đã viện dẫn thì bà N yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung là có cơ sở. Tuy nhiên, bà N yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập của ông P. Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao quy định "*Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*". Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà Kim Thị Hồng N, buộc ông Trần Hoàng P cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Hoàng P1, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2026 mỗi tháng 2.500.000 đồng, hình thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi người con chung đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung, nợ chung bà Kim Thị Hồng N, ông Trần Hoàng P không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Kim Thị Hồng N phải chịu 300.000đ, bà Kim Thị Hồng N đã nộp tiền tạm ứng án phí

300.000đ được chuyển thu án phí. Ông Trần Hoàng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Kim Thị Hồng N và ông Trần Hoàng P.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao người con chung tên Trần Hoàng P1, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2026 cho bà Kim Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Hoàng P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc ông Trần Hoàng P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi người con chung tên Trần Hoàng P1, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2026 mỗi tháng 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng), hình thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Kim Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tiền số 0006605 ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh C, bà N đã nộp đủ án phí.

- Buộc ông Trần Hoàng P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng)

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án và thời hiệu thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 34 và 36 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 1 – Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- UBND phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều